

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NSNN NĂM 2018
Số thực hiện từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/3/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018			So sánh tỷ lệ %	
		Dự toán		Số thực hiện	Thực hiện với dự toán	
		TW giao	HDND giao		TW giao	HDND giao
	1	2	3	4	5=4/2	6=4/3
	Tổng thu cân đối NSNN (I+II)	4.680.000	5.000.000	1.407.697	30,1	28,2
I	Thu nội địa (1+2+3)	4.630.000	4.950.000	1.398.536	30,2	28,3
1	Thu thuế và phí	3.824.000	3.970.000	1.174.427	30,7	29,6
a	Thu từ doanh nghiệp nhà nước	1.240.000	1.286.526	404.572	32,6	31,4
	- XNQD TW	560.000	580.218	157.896	28,2	27,2
	- XNQD ĐP	655.000	677.428	234.427	35,8	34,6
	- DN có vốn đầu tư nước ngoài	25.000	28.880	12.249	49,0	42,4
b	Thu từ khu vực NQD	1.216.000	1.216.000	344.447	28,3	28,3
c	Lệ phí trước bạ	353.000	353.000	84.169	23,8	23,8
d	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9.000	10.847	1.092	12,1	10,1
e	Thuế thu nhập cá nhân	370.000	370.000	106.130	28,7	28,7
f	Thu phí, lệ phí	125.000	125.018	51.427	41,1	41,1
g	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	11.000	53.817	6.927	63,0	12,9
h	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	40.000	56.431	64.439	161,1	114,2
i	Thuế bảo vệ môi trường	435.000	473.081	105.981	24,4	22,4
k	Thu phạt do ngành thuế phạt	20.000	20.280	5.243	26,2	25,9
l	Thu cổ tức	5.000	5.000	-	0,0	0,0
2	Thu biện pháp tài chính	676.000	850.000	187.528	27,7	22,1
a	Thu cấp quyền SD đất	500.000	674.000	150.610	30,1	22,3
b	Thu tiền bán nhà	5.000	5.000	297	5,9	5,9
c	Thu tại xã	11.000	11.000	331	3,0	3,0
d	Thu khác ngân sách	160.000	160.000	36.290	22,7	22,7
	<i>Trong đó: thu tiền phạt VPHC ATGT</i>	<i>110.000</i>	<i>90.000</i>	<i>20.563</i>	<i>18,7</i>	<i>22,8</i>
3	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	130.000	130.000	36.581	28,1	28,1
II	Các khoản do Hải quan thu	50.000	50.000	9.161	18,3	18,3

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI NSNN NĂM 2018
Số thực hiện từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày ngày 31/3/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2018			So sánh tỷ lệ %	
		Dự toán		Số thực hiện	Thực hiện với dự toán	
		TW giao	HBND giao		TW giao	HBND giao
	1	2	3	4	5	6
	Tổng chi NSNN (A + B)	14.339.306	14.627.871	3.168.746	22,1	21,7
A	Tổng chi cân đối NSNN (I+II+III)	14.061.195	14.349.760	3.038.197	21,6	21,2
I	Chi đầu tư phát triển	3.472.878	3.661.759	435.378	12,5	11,9
1	Chi ĐTPT	1.557.910	1.746.791	431.719		
2	Chi trả nợ lãi theo K3Đ8	3.000	3.000	-		
3	Tạm ứng XD CB			3.659		
4	Tạm ứng DA 5 triệu ha rừng					
II	Chi thường xuyên	10.586.877	10.686.561	2.602.819	24,6	24,4
1	Chi sự nghiệp khoa học và CN	22.415	22.415	4.405		19,7
2	Chi sự nghiệp GD và ĐT, dạy nghề	4.802.787	4.841.277	1.050.456		21,7
3	Chi sự nghiệp y tế và dân số KHHGĐ			287.715		
4	QLHC -Đảng - Đoàn thể			452.991		
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin			17.413		
6	Chi sự nghiệp PTTH			7.833		
7	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao			11.621		
8	Chi đảm bảo xã hội			95.395		
9	Chi quốc phòng địa phương			76.368		
10	Chi an ninh địa phương			34.589		
11	Chi sự nghiệp kinh tế			148.567		
12	Chi t/hiện c/sách trợ giá, trợ cước	485.592	485.592	0		
13	Chi sự nghiệp hoạt động môi trường	111.125	141.138	24.504		17,4
14	Chi hoàn trả các khoản thu năm trước			6.094		
15	Chi khác			6.726		
16	Tạm ứng HCSN			255.095		
17	Tạm ứng cho ngân sách cấp dưới			298		
18	Tạm ứng khác			122.749		
III	Chi bổ sung Quỹ DTTC	1.440	1.440		0,0	0,0
B	Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	278.111	278.111	130.549	46,9	46,9
	- Vốn đầu tư	194.465	194.465	130.375	67,0	67,0
	- Vốn sự nghiệp	83.646	83.646	174	0,2	0,2